

Số: ĐKG_02/2023

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2023

V/v đề nghị công bố giá
sản phẩm, hàng hóa, sơn tường dạng
nhũ tương ... định kỳ tại Sở Xây dựng

Kính gửi: Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 08 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Quy chế phối hợp thực hiện công bố giá vật liệu xây dựng (VLXD) trên địa bàn Thành phố HCM(hiện tại là quy chế được ban hành kèm theo quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 05 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Công ty TNHH Revolution Paint. đề nghị công bố giá sản phẩm, hàng hóa sơn tường dạng nhũ tương định kỳ tại Sở Xây dựng, kèm theo các tài liệu như sau:

1. Bảng niêm yết giá sản phẩm, hàng hóa của đơn vị (bản chính) theo quy định tại Điều 6, Điều 12 – Luật Giá số 11/2012/QH13.

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng của đơn vị đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu để đề nghị công bố theo quy định tại Điều 23 – Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa: số hiệu, đặc trưng kỹ thuật, thông tin cảnh báo

4. Nhãn hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ.

5. Tài liệu thể hiện việc duy trì kiểm soát chất lượng, thử nghiệm và giám sát định kỳ nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm do đơn vị sản xuất, kinh doanh phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng theo quy định tại Điều 10, Điều 28, Điều 38 – Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa: Việc này được thực hiện theo hợp đồng chứng nhận hợp quy QCVN 16-2019 và ISO 9001:2015, đánh giá định kỳ theo hàng năm với Vinacontrol

6. Đối với VLXD thuộc danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (VLXD nhóm 2), còn phải có các tài liệu sau theo quy định tại Điều 28, Điều 34, Điều 38 – Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (hiện nay là QCVN 16:2019/BXD được ban hành kèm theo Thông tư số 10/2017/TT-BXD ngày 29 tháng 09 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng):

- Chứng nhận hợp quy của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền chỉ định.
- Bản công bố hợp quy của doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu.
- Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành nơi đơn vị sản xuất, nhập khẩu đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Dấu hợp quy được sử dụng trực tiếp trên sản phẩm hoặc trên bao gói hoặc trên nhãn gắn trên sản phẩm hoặc trong chứng chỉ chất lượng, tài liệu kỹ thuật của sản phẩm theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

7. Danh sách các đại lý phân phối sản phẩm, hàng hóa có đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư (danh sách đính kèm)

8. Thông tin khác:

- Địa điểm đặt trụ sở chính của doanh nghiệp đề nghị công bố giá: Lô Vb07b-08a, đường 17, KCN thuộc KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP HCM
- Địa điểm đặt nhà máy sản xuất sản phẩm vật liệu đề nghị công bố: Lô Vb07b-08a, đường 17, KCN thuộc KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP HCM
- Thông tin liên lạc của của lãnh đạo Công ty và cán bộ phụ trách đăng ký công bố giá:
 - Họ tên lãnh đạo Công ty: Phạm Minh Trí
 - Số điện thoại: 0913 069 276
 - Email: tri@revolution-paint.com
 - Cán bộ phụ trách đăng ký: Vi Thị Phương Hà
 - Số điện thoại: 0901 234 907
 - Email: ha@revolution-paint.com

Mức giá đăng ký này thực hiện cho Quý 2/2023 đến khi có thông báo giá mới

Công ty TNHH Revolution Paint cam kết về việc các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 và Điều 12 – Luật Giá số 11/2012/QH13.

Công ty TNHH Revolution Paint xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)



BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

(Kèm theo công văn số ĐKG_02/2023)

TP.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công ty TNHH Revolution Paint)

SỞ XÂY DỰNG TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN Số:.....
Ngày 14-04-2023

Chuyển:.....

Số và ký hiệu HS:.....

1 Mức giá niêm yết (giá bán lẻ)

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách	Giá theo khu vực TP Hồ Chí Minh (trước thuế VAT)				
				Mức giá bán lẻ trước	Mức giá bán mới	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
I	Sơn phủ							
1	RP Premium EnviroCote Membrane Low Sheen	Thùng	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	7,051,159	7,051,159	-	0%	không thay đổi
2	RP Premium EnviroCote Membrane Low Sheen	Lon	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	2,136,715	2,136,715	-	0%	không thay đổi
3	RP Premium EnviroCote Membrane Satin	Thùng	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	7,051,159	7,051,159	-	0%	không thay đổi
4	RP Premium EnviroCote Membrane Satin	Lon	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	2,136,715	2,136,715	-	0%	không thay đổi
5	RP Weather Protect	Thùng	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	4,417,163	4,417,163	-	0%	không thay đổi
6	RP Weather Protect	Lon	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	1,338,534	1,338,534	-	0%	không thay đổi
7	RP Premium Envirocote ClearCoat	Thùng	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	6,098,400	6,098,400	-	0%	không thay đổi
8	RP Premium Envirocote ClearCoat	Lon	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	1,715,175	1,715,175	-	0%	không thay đổi
9	RP Dura Protect	Thùng	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	2,755,260	2,755,260	-	0%	không thay đổi
10	RP Dura Protect	Lon	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	834,927	834,927	-	0%	không thay đổi

11	RP WaterProof	Thùng	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	4,199,003	4,199,003	-	0%	không thay đổi
12	RP WaterProof	Lon	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	1166390.1	1,166,390	-	0%	không thay đổi
13	RP Premium EnviroCote Low Sheen	Thùng	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	4,186,550	4,186,550	-	0%	không thay đổi
14	RP Premium EnviroCote Low Sheen	Lon	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	1,268,651	1,268,651	-	0%	không thay đổi
15	RP Premium EnviroCote Satin	Thùng	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	4,186,550	4,186,550	-	0%	không thay đổi
16	RP Premium EnviroCote Satin	Lon	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	1,268,651	1,268,651	-	0%	không thay đổi
17	RP Duracote	Thùng	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	1,805,022	1,805,022	-	0%	không thay đổi
18	RP Duracote	Lon	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	546,977	546,977	-	0%	không thay đổi
19	RP WashCote	Thùng	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	3,136,504	3,136,504	-	0%	không thay đổi
20	RP WashCote	Lon	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	823,406	823,406	-	0%	không thay đổi
21	RP EcoCote	Thùng	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	1,431,659	1,431,659	-	0%	không thay đổi
22	RP EcoCote	Lon	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	464,636	464,636	-	0%	không thay đổi
23	RP Premium StoneText	Thùng	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	3,635,824	3,635,824	-	0%	không thay đổi
24	RP Premium TextureCote	Thùng	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	3,454,032	3,454,032	-	0%	không thay đổi
25	RP UnderCote	Thùng	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	2,363,285	2,363,285	-	0%	không thay đổi
26	RP Premium SandCote	Thùng	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	3,720,837	3,720,837	-	0%	không thay đổi

27	RP Premium Creation	Thùng	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	8,385,300	8,385,300	-	0%	không thay đổi
II	Sơn lót		QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	0	0	-		không thay đổi
1	RP Premium EnviroCote Sealer	Thùng	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	4,159,255	4,159,255	-	0%	không thay đổi
2	RP Premium EnviroCote Sealer	Lon	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	1,260,380	1,260,380	-	0%	không thay đổi
3	RP Weather Protect Sealer	Thùng	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	3,366,257	3,366,257	-	0%	không thay đổi
4	RP Weather Protect Sealer	Lon	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	1,020,078	1,020,078	-	0%	không thay đổi
5	RP Premium EnviroCote Primer	Thùng	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	2,928,503	2,928,503	-	0%	không thay đổi
6	RP Premium EnviroCote Primer	Lon	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	887,425	887,425	-	0%	không thay đổi
7	RP DuraCote Primer	Thùng	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	1,387,471	1,387,471	-	0%	không thay đổi
8	RP DuraCote Primer	Lon	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	420,445	420,445	-	0%	không thay đổi
9	RP Dura Protect Sealer	Thùng	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	2,856,910	2,856,910	-	0%	không thay đổi
10	RP Dura Protect Sealer	Lon	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	865,730	865,730	-	0%	không thay đổi
III	Bột trét			0	0	-		
1	RP Exterior Premium Render - Grey	Bao	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	678,490	678,490	-	0%	không thay đổi
2	RP Exterior Premium Skimcoat – Grey/ White	Bao	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	521,542	521,542	-	0%	không thay đổi
3	RP Interior Premium Putty - White	Bao	QCVN 16:2019/BXD; TCCS01:2018/RP	448,569	448,569	-	0%	không thay đổi

Ghi chú:

- Giá niêm yết đã bao gồm phí vận chuyển, chi phí bốc xếp giao tại chân công trình tại TP.HCM...

2. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện niêm yết giá (*trường hợp thay đổi giá so với kỳ trước*) Không thay đổi

3. Các trường hợp ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu... đối với các đối tượng khách hàng (nếu có)
Mức giá kê khai này thực hiện từ Quý 2/2023 đến khi có thông báo giá mới

Công ty TNHH Revolution Paint cam kết về việc các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 và Điều 12 – Luật Giá số 11/2012/QH13.

Công ty TNHH Revolution Paint xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu;

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

